

Số: 2100 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 21 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia; số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1583/QĐ-BNNMT ngày 04/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5746/TTr-SNNMT ngày 19/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính (sau đây gọi là TTHC) được sửa đổi, bổ sung và 01 quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để thiết lập quy trình điện tử trong giải quyết TTHC lên Hệ thống theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ TTHC có số thứ tự 34, Mục I (Thủ tục hành chính cấp tỉnh), Phụ lục I (Danh mục thủ tục hành chính) và quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC có số thứ tự 34, Mục I (Thủ tục hành chính cấp tỉnh), Phụ lục II (Quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính) kèm theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (Đ/c Đệ);
- PCVP UBND tỉnh (Đ/c Thiên);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Phúc).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 2100 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức, địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản (1.014787)	<p>Thời gian giải quyết: 22 ngày làm việc, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An (số 16, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An); - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An; - Hoặc nộp hồ sơ qua Công Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;



		<p>- Thời hạn trả kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.</p>			<p>- Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực Địa chất và khoáng sản.</p>
--	--	--	--	--	--

Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

1) Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản (1.014787)

Thứ tự công việc	Đơn vị/Người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (tính mỗi ngày 8 giờ làm việc)	Dịch vụ công trực tuyến mức độ
Bước 1	<p>- Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;</p> <p>- Công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường <i>(trường hợp tiếp nhận hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính thực hiện luân chuyển hồ sơ theo quy định).</i></p>	<p>- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công trả hồ sơ và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ nộp đầy đủ theo quy định, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ theo quy định, số hoá vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định, in phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân. Chuyển hồ sơ (điện tử) đến phòng Phòng Khoáng sản Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p>	02 giờ làm việc	Một phần
Bước 2		<p>Trưởng phòng Khoáng sản: Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công chuyên viên thẩm định, xử lý hồ sơ.</p>	04 giờ làm việc	



	Phòng Khoáng sản Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công chức Phòng Khoáng sản: - Tiếp nhận hồ sơ (điện tử) và xử lý hồ sơ - Dự thảo kết quả giải quyết TTHC; - Dự thảo Tờ trình đề nghị Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả TTHC; - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Phòng.	130 giờ làm việc
		Phó phòng Khoáng sản: Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC; ký nháy tờ trình chuyển Trưởng phòng xem xét.	04 giờ làm việc
		Trưởng phòng Khoáng sản: - Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết TTHC; ký nháy Tờ trình đề nghị Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả TTHC; - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường.	04 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Ký số phê duyệt tờ trình đề nghị Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả TTHC; - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường.	08 giờ làm việc
Bước 4	Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Lấy số, phát hành văn bản đồng thời lưu trữ hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Chuyển hồ sơ (điện tử) đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.	04 giờ làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Nhận hồ sơ (điện tử) và phân công chuyên viên tham mưu, xử lý hồ sơ.	04 giờ làm việc
Bước 6	Công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	- Tham mưu thẩm định hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Văn phòng, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC; - Chuyển hồ sơ đến Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.	12 giờ làm việc

Bước 7	Văn thư Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	- Lấy số, phát hành văn bản; - Chuyển hồ sơ (điện tử) và chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công (chuyển kết quả điện tử và bản giấy).	04 giờ làm việc	
Bước 8	Bộ phận trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Nhận kết quả từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; - Xác nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Thông báo tổ chức, cá nhân nộp lệ phí và trả kết quả cho tổ chức/cá nhân.	Không tính thời gian	
Tổng thời gian giải quyết TTHC		176 giờ làm việc (Theo quy định TTHC này có thời hạn giải quyết là 22 ngày làm việc).		